

Bản án số: 199/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 10-6-2024

Về việc ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thanh Minh.

Bà Lê Thị Nhanh.

- Thư ký phiên tòa:

Bà Hồ Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 10 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 118/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 2658/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2024; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Bu Thị Thùy P**, sinh năm 1978; địa chỉ: **8 R, Cabramatta New South W, Ô-xtrây-li-a.**

- Bị đơn: Ông **Mai Hoàng L**, sinh năm 1976; địa chỉ: **Số H đường N, Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.**

(Các đương sự vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn bà **Bu Thị Thùy P** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông **Mai Hoàng L** tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 68/2016 do Ủy ban nhân dân Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 4 năm 2016. Năm 2022, vợ chồng bà có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, từ tháng 01 năm 2023 đến nay hai người đã không còn chung sống. Hiện vợ chồng bà đã không còn tình cảm nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông **Mai Hoàng L** để chấm dứt tình trạng hôn nhân hiện tại.

Về con chung: Giữa bà và ông **Mai Hoàng L** có 01 con chung là trẻ **Mai Hoàng Q**, sinh ngày 07 tháng 10 năm 2017, con chung do ông **L** trực tiếp nuôi dưỡng. Do bà ở xa nên khi ly hôn, bà đồng ý giao con chung cho ông **L** trực tiếp

nuôi dưỡng, các bên tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Giữa bà và ông **Mai Hoàng L** không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Tại Bản tự khai, bị đơn ông **Mai Hoàng L** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà **Bu Thị Thùy P** tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 68/2016 do Ủy ban nhân dân Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 4 năm 2016. Sau khi kết hôn vợ chồng ông chung sống tại Việt Nam, quá trình chung sống vợ chồng ông phát sinh nhiều bất đồng quan điểm sống dẫn đến mâu thuẫn. Mặc dù hai người đã nhiều lần hàn gắn vì con chung nhưng tình cảm vợ chồng đã không còn, tháng 01 năm 2023 bà **P** sang Ô-xtrây-li-a sinh sống, vợ chồng ông sống ly thân cho đến nay. Do mục đích hôn nhân không đạt được, ông đồng ý ly hôn bà **Bu Thị Thùy P**.

Về con chung: Giữa ông và bà **Bu Thị Thùy P** có 01 con chung là trẻ **Mai Hoàng Q**, sinh ngày 07 tháng 10 năm 2017, con chung do ông trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, ông yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu giải quyết về vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Giữa ông và bà **Bu Thị Thùy P** không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ giấy chứng nhận kết hôn, giấy khai sinh cùng lời trình bày của các đương sự tại bản khai, có cơ sở để xác định đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Nguyên đơn bà **Bu Thị Thùy P** cư trú tại Ô-xtrây-li-a, bị đơn ông **Mai Hoàng L** hiện đang cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Khoản 1 Điều 37, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Trước khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn đều đã có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy, yêu cầu và ý kiến của đương sự đã được thể hiện rõ trong bản khai, sự vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm quyết định xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

[1.3] Trong vụ án này, các đương sự đã tự giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án; nguyên đơn bà **Bu Thị Thùy P** hiện đang định cư ở nước ngoài nhưng đã có bản tự khai và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; các đương sự cùng thừa nhận có mâu thuẫn và không còn thực tế chung sống, Tòa án không tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ để xác định nguyên nhân

của việc phát sinh tranh chấp, không thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp ra nước ngoài. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ bản tự khai của các đương sự và Giấy chứng nhận kết hôn số 68/2016 do Ủy ban nhân dân Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 4 năm 2016, có cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập trên cơ sở tự nguyện là hợp pháp.

Theo trình bày của nguyên đơn bà Bu Thị Thùy P và bị đơn ông Mai Hoàng L thì vợ chồng ông bà đã không còn chung sống với nhau, tình cảm vợ chồng không còn do mâu thuẫn phát sinh mà không thể giải quyết. Bà Bu Thị Thùy P khởi kiện yêu cầu được ly hôn, ông Mai Hoàng L cũng đồng ý.

Xét thấy, bà P và ông L cùng thừa nhận vợ chồng không thể chung sống hạnh phúc với nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không ai còn ý định hàn gắn, đoàn tụ gia đình. Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho bà Bu Thị Thùy P được ly hôn ông Mai Hoàng L.

[2.2] Về con chung: Giữa bà Bu Thị Thùy P và ông Mai Hoàng L có 01 con chung là trẻ Mai Hoàng Q, sinh ngày 07 tháng 10 năm 2017, con chung do ông L trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà P và ông L thống nhất sau khi ly hôn, ông L là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, hai bên tự thỏa thuận việc cấp dưỡng cho con mà không yêu cầu Tòa án giải quyết là tự nguyện và phù hợp với hoàn cảnh hiện tại nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về quyền, nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Bu Thị Thùy P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 21, Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Khoản 1 Điều 37, Khoản 2 Điều 38, Điểm c Khoản 1 Điều 40, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 19, 56, 71, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118, 121, 122 và 127 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bu Thị Thùy P:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà **Bu Thị Thùy P** được ly hôn ông **Mai Hoàng L**.

Giấy chứng nhận kết hôn số 68/2016 do Ủy ban nhân dân Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 4 năm 2016 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giữa bà **Bu Thị Thùy P** và ông **Mai Hoàng L** có 01 con chung là trẻ **Mai Hoàng Q**, sinh ngày 07 tháng 10 năm 2017; giao con chung cho ông **L** trực tiếp nuôi dưỡng. Bà **P** và ông **L** tự thỏa thuận việc cấp dưỡng không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và các quyền, nghĩa vụ khác của cha, mẹ đối với con chung sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quyền, nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

II. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà **Bu Thị Thùy P** phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đương sự đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0032688 ngày 26 tháng 3 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, đương sự đã thi hành xong án phí sơ thẩm.

III. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà **Bu Thị Thùy P** cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng, bị đơn ông **Mai Hoàng L** có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, thời hạn kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND cấp cao tại Tp. HCM
- VKSND Tp. HCM;
- Cục THADS Tp. HCM;
- UBND Phường 3, quận Gò Vấp, Tp. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tuấn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thanh Minh

Lê Thị Nhanh

Nguyễn Văn Tuấn